

Số: 302 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 20 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ
của Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ tình hình thu, chi tài chính năm 2018 và các văn bản pháp quy của Nhà nước có liên quan;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bổ sung, sửa đổi Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh, gồm:

1. Sửa đổi điểm 1, điều 12 về “Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp”

Lương cơ bản theo ngạch bậc và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước thực hiện trả theo từng tháng cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và hợp đồng lao động do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh ký.

Riêng cán bộ trong thời gian nghỉ thai sản theo chế độ lương cơ bản do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả.

2. Sửa đổi dấu + thứ 7, điều 15 về thanh toán làm thêm giờ khối hành chính

Trực Trung tâm GDQP an ninh:

- + 03 suất trực khi có sinh viên học tập tại Trung tâm;
- + 01 suất trực khi không có sinh viên học tại Trung tâm.

3. Sửa đổi dấu + thứ nhất, gạch ngang thứ 3, khoản 1, điều 16 về “Bồi dưỡng độc hại”

Sửa đổi gạch ngang thứ 3, khoản 1 điều 16 của Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 và Quyết định số 198/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2018 về Mức bồi dưỡng độc hại: “Các đơn vị gồm Viện sư phạm tự nhiên, Viện Kỹ thuật Công nghệ, Viện Công nghệ Hóa sinh – Môi trường; Khoa Xây dựng, Viện Nông nghiệp và Quản lý tài nguyên, Trung tâm TH-TN (bao gồm các kỹ thuật viên, cán bộ phục vụ các khoa trong thời gian giảng dạy THPT); cán bộ trực tiếp làm kho hoặc thao tác với sách của Trung tâm Thông tin – Thư viện Nguyễn Thúc Hào; thủ kho, thủ quỹ của phòng KH-TC; Thủ kho của phòng QT & ĐT, phòng HCTH; cán bộ phòng CTCT-HSSV quản lý hồ sơ HSSV”

4. Sửa đổi bổ sung điểm 2 và 3 điều 17, điểm 6 điều 38 về “Chế độ trang phục, bảo hộ lao động”

Vào đầu mỗi năm học, các đơn vị lập danh sách cán bộ làm việc trực tiếp trong môi trường được hưởng chế độ bảo hộ lao động và cấp trang quân phục theo quy định, trình phòng TCCB xác nhận, gửi về phòng KHTC thẩm định để trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt theo các mức khoán như sau:

- Định mức 2.000.000 đồng/người /năm đối với: Kỹ thuật viên Trung tâm thực hành thí nghiệm (trang phục bảo hộ), Kỹ thuật viên Ban quản lý cơ sở II (trang phục bảo hộ), Cán bộ giảng dạy thể dục các đơn vị trường THPT, trường chuyên, khoa Giáo dục thể chất (Đồng phục); quản lý sinh viên, đại đội trưởng, cán bộ giảng dạy của Trung tâm giáo dục quốc phòng không phải là sỹ quan biệt phái (đồng phục); thủ kho hóa chất, thợ sửa chữa điện nước phòng Quản trị và Đầu tư (trang phục bảo hộ).

- Định mức 1.000.000 đồng/người/năm đối với: Kỹ thuật viên trại ngọt, trại mặn (trang phục bảo hộ); cán bộ trạm y tế (đồng phục); giáo viên mầm non trường THPT (đồng phục).

- Định mức 500.000 đồng/người/năm đối với: cán bộ trực kho sách, scan – số hóa của Trung tâm thông tin tư liệu và thư viện (trang phục bảo hộ).

5. Sửa đổi bổ sung mục 4, điều 18 "Chi phúc lợi hỗ trợ công tác hành chính"

Hàng năm, trích chi phúc lợi hỗ trợ công tác hành chính, công đoàn cho các đơn vị trong toàn Trường theo mức chi 1.000.000 đồng/người/năm, tính theo số cán bộ viên chức hiện có của đơn vị tại thời điểm 01/9 của năm học (không tính hợp đồng thời vụ dưới 03 tháng và cán bộ đi học nước ngoài).

6. Sửa đổi bổ sung điều 19

6.1. Mục đ, Khoản 3, Điều 19

đ) Học sinh Trường THPT:

- Học sinh đạt giải các cuộc thi không chuyên: IOE các cấp, Olympic Toán tuổi thơ các cấp, Tin học không chuyên các cấp; Các cuộc thi không chuyên khác:

- + Giải nhất: 500.000 đồng
- + Giải nhì: 300.000 đồng
- + Giải ba: 200.000 đồng
- Học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp thành phố:
- + Giải nhất: 300.000 đồng
- + Giải nhì: 200.000 đồng
- + Giải ba: 100.000 đồng
- + Được công nhận đạt học sinh giỏi cấp TP: 50.000 đồng
- Học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp tỉnh:
- + Giải nhất: 500.000 đồng
- + Giải nhì: 300.000 đồng
- + Giải ba: 200.000 đồng
- + Giải khuyến khích: 150.000 đồng
- + Được công nhận đạt HS giỏi cấp tỉnh: 100.000 đồng
- Học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp quốc gia:
- + Giải nhất: 1.000.000 đồng
- + Giải nhì: 800.000 đồng
- + Giải ba: 500.000 đồng
- + Giải khuyến khích: 300.000 đồng
- + Được công nhận đạt học sinh giỏi cấp quốc gia: 200.000 đồng

Các kỳ thi quốc gia thuộc cấp khu vực không nằm trong hệ thống các cuộc thi do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức thì khen thưởng mức như cấp tỉnh.

6.2. Sửa đổi khoản 4, điều 19 về “Chi khen thưởng cho cán bộ, viên chức có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế”

Nhà trường trích từ nguồn kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm để chi hỗ trợ các tác giả là cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường (Tính đến thời điểm công bố sản phẩm, kể cả cán bộ, giảng viên của Nhà trường đang học tập, thực tập sinh tại nước ngoài) có các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao gắn với địa chỉ, thương hiệu của Trường Đại học Vinh.

Kinh phí hỗ trợ tính theo công trình và được chia đều cho tổng số tác giả;

Chỉ tính 50% định mức quy định cho tác giả nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Công trình đã được tài trợ bởi các tổ chức / cá nhân trong hoặc ngoài nước;
- b. Tác giả đứng thêm tên của cơ quan / đơn vị ngoài Trường Đại học Vinh;

Các công trình chỉ được xem xét hỗ trợ khi đã được xuất bản (đối với bài báo/sách) hoặc được cấp Bằng độc quyền sáng chế / giải pháp hữu ích. Loại hình sản phẩm và định mức khen thưởng cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm khoa học	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/công trình)
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế	100
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	60
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	50
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	45
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4).	40
6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của ESCI .	35
7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách thuộc cơ sở dữ liệu của Scopus .	30
8.	Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc một trong các danh mục trên và đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: + Tạp chí có mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm (International Standard Serial Number - ISSN); + Tạp chí được xuất bản online và bài viết có gắn DOI (Digital Object Identifier).	5
9.	Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc một trong các danh mục trên và đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: + Tạp chí có mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm (International Standard Serial Number - ISSN); + Tạp chí được xuất bản online	2
10.	Đối với các công trình không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định.	

Ghi chú: Cơ sở dữ liệu của Clarivate Analytics bao gồm các tạp chí thuộc các danh mục sau: *Arts & Humanities Citation Index; Science Citation Index Expanded; Social Sciences Citation Index; Emerging Sources Citation Index*.

6.3. Bổ sung khoản 7, điều 19 "Chi khen thưởng"

Chi khen thưởng công tác tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tuyển sinh các hệ đào tạo đại học chính quy, sau đại học, học sinh và trẻ mẫu giáo, mầm non, Nhà trường thực hiện chi khen thưởng cho các khoa, viện và các trường trực thuộc có thành tích trong công tác tuyển sinh, mức thưởng do phòng Đào tạo, phòng Đào tạo Sau đại học và phòng CTCT-

HSSV tổng hợp, đề xuất gửi phòng KH-TC để thẩm định, trình Hiệu trưởng phê duyệt khen thưởng, trong đó năm học 2019-2020 thưởng với định mức sau:

- Tuyển sinh số lượng từ 300 - 399: 30.000.000 đồng
- Số lượng từ 400 - 499: 40.000.000 đồng
- Tuyển sinh số lượng từ 500 - 599: 50.000.000 đồng
- Tuyển sinh số lượng từ 600 - 699: 60.000.000 đồng
- Tuyển sinh số lượng từ 700 - 799: 70.000.000 đồng
- Tuyển sinh số lượng từ 800 trở lên: 80.000.000 đồng

Trường hợp tổng số lượng tuyển sinh toàn trường đạt chỉ tiêu đăng ký, nhà trường sẽ xem xét thưởng cho các đơn vị phòng ban có liên quan.

6.4. Sửa đổi nội dung điều 19 và phụ lục II của quy chế về chi khen thưởng

Các khoản chi khen thưởng nếu trong quyết định khen thưởng cho chi theo Nghị định của nhà nước và chi từ kinh phí của cơ quan chủ quản thì được chi theo mức cao nhất của Nghị định.

Các khoản chi khen thưởng nếu được chi từ kinh phí của các cơ quan, ban ngành Trung ương hoặc địa phương chuyển về thì nhà trường sẽ chi khen thưởng thêm theo mức 50% tại điều 19, quy chế chi tiêu nội bộ.

7. Bổ sung gạch ngang thứ 4, khoản 2, điều 21 về "Chi phí sử dụng điện thoại"

Hỗ trợ điện thoại cho Phó Bí thư đoàn trường 200.000 đồng/tháng.

Hỗ trợ điện thoại cho Trợ lý đào tạo bán chuyên trách 100.000 đồng/tháng.

8. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ ba, Mục a, Khoản 2, Điều 23

"Trường hợp tự túc phương tiện thì được thanh toán tiền đi lại theo giá vé thực tế (vé phải đảm bảo theo đúng quy định Nhà nước), tiền 2 đầu ga được khoán (kể cả giảng viên mời thỉnh giảng):

Về tiền 2 đầu ga (có tất cả là 4 lượt đi - về), tiền khoán kinh phí đi lại hai đầu ga được thực hiện như sau:

- + Người đi công tác một mình người hoặc thứ nhất đi cùng đoàn, khoán: 200.000 đồng/1 lần đi - về.
- + Người thứ hai đi cùng đoàn khoán: 150.000 đồng/1 lần đi - về.
- + Người thứ ba đi cùng đoàn khoán: 100.000 đồng/1 lần đi - về;
- + Từ người thứ tư cùng đoàn trở lên thì khoán 75.000 đồng/1 lần đi - về.

Riêng học sinh, sinh viên đi công tác cùng thầy cô thì chỉ tính 2 lượt đi - về 2 đầu ga nơi đến, người thứ nhất khoán: 100.000 đồng/1 lần đi - về, người thứ hai khoán: 75.000 đồng/1 lần đi - về và từ người thứ ba trở lên thì khoán 50.000 đồng/1 lần đi - về.

Trong quá trình đi công tác theo đoàn, nếu có phát sinh đi lại tại nơi công tác nhiều chặng, đoàn công tác phải lập kế hoạch làm việc và lịch trình di chuyển để được phê duyệt kinh phí đi lại. Đi công tác theo đoàn chỉ thanh toán taxi đi chung và phải có chứng từ minh chứng đã sử dụng phương tiện, hoặc đi phương tiện công cộng.

9. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ năm, Mục b, Khoản 2, Điều 23

"Trường hợp thanh toán theo hình thức khoán tự túc chỗ ở theo mức như sau: 300.000 đồng/người/ngày đối với các quận thuộc TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; 250.000 đồng/người/ngày đối với các huyện thuộc TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương khác; 200.000 đồng/người/ngày đối với các huyện thuộc thành phố trực thuộc Trung ương khác và các thành phố, thị xã thuộc tỉnh; 150.000 đồng/người/ngày đối với các địa phương còn lại".

10. Sửa đổi, bổ sung điểm 3, điều 33

Việc kỷ niệm ngành thành lập các đơn vị, các ngành đào tạo:

Nhà trường chỉ cấp hỗ trợ kinh phí lễ kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, ngành đào tạo vào những năm chẵn (10 - 20 - 30... năm). Căn cứ tính chất và quy mô đào tạo của từng đơn vị tại các thời điểm kỷ niệm, đơn vị có ngày kỷ niệm lập dự toán gửi Phòng KH-TC thẩm định trình Hiệu trưởng xem xét quyết định với mức hỗ trợ tối đa như sau:

- 10 năm: 30.000.000 đồng;
- 20 năm: 40.000.000 đồng;
- 30 năm: 50.000.000 đồng;
- 40 năm: 60.000.000 đồng;
- 50 năm: 70.000.000 đồng;
- 60 năm: 80.000.000 đồng;

Các trường hợp năm lẻ như 15, 25, 35, 45, 55 năm không tổ chức và Nhà trường không hỗ trợ gì (kể cả tổ chức Hội thảo). Đối với các ngành đào tạo nay đã tách thành 02 hoặc 03 ngành, thì Nhà trường khuyến khích tổ chức kỷ niệm chung. Nếu các ngành tổ chức riêng thì mức kinh phí nhà trường hỗ trợ vẫn giữ nguyên và được chia đều cho số ngành mới được chia tách.

11. Sửa đổi bổ sung điều 34 về “Quản lý nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học công nghệ”

11.1. Sửa đổi khoản a, điểm 2, điều 34

Thay thế câu “*Việc quản lý và sử dụng khoản kinh phí này do Hiệu trưởng quyết định được hòa chung vào nguồn kinh phí thu được của toàn Trường*” thành “*Việc quản lý và sử dụng khoản kinh phí này do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở các nội dung theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước*”.

11.2. Sửa đổi điểm 3, điều 34 về “Kinh phí hỗ trợ hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học”

Hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học hằng năm được triển khai thông qua cuộc thi “*Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Trường Đại học Vinh*”.

Trên cơ sở đề xuất của các viện/khoa đào tạo, Nhà trường phê duyệt danh mục đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học hằng năm. Không phê duyệt thuyết minh và hồ sơ từng đề tài sinh viên.

Hằng năm, Phòng KH&HTQT thông báo kế hoạch cuộc thi và hướng dẫn các thủ tục liên quan. Các công trình nghiên cứu của sinh viên sẽ được đăng ký tham gia xét giải tại một trong các hội đồng sau:

- Hội đồng Khoa học Giáo dục;
- Hội đồng Kinh tế - Luật;
- Hội đồng Tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ.
- Hội đồng Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Nhà trường thành lập Hội đồng xét chọn và trao giải theo các mức sau: *Giải Nhất, Giải Nhì, Giải Ba và Giải Khuyến khích*. Các công trình đạt giải sẽ được nhận giấy chứng nhận, kinh phí khen thưởng và kinh phí hỗ trợ nghiên cứu theo định mức như sau:

	Thành tích	Quyền lợi của sinh viên			Quyền lợi của giáo viên hướng dẫn	
		Kinh phí khen thưởng	Kinh phí hỗ trợ	Số lượng tối đa	Giờ NCKH được tính	Kinh phí khen thưởng
1.	Giải Nhất	500.000	10.000.000	4	75	300.000
2.	Giải Nhì	300.000	8.000.000	8	50	200.000
3.	Giải Ba	200.000	5.000.000	12	35	100.000
4.	Giải Khuyến khích	100.000	3.000.000	20	20	0

11.3. Sửa đổi điểm 4, điều 34 về “Định mức kinh phí cho đề tài cấp Trường”:

Mức 1: Đề tài NCKH của cán bộ, giảng viên từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Mức 2: Đề tài cấp Trường trọng điểm do Hội đồng khoa học và Đào tạo xem xét đề xuất, Phòng KH-TC thẩm định mức chi.

Nội dung chi và định mức chi liên quan đến hoạt động điều tra của đề tài cấp trường (nếu có) tối đa không quá định mức quy định tại Phụ lục VII của Quy chế này.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm 1, điều 36 về “Chi quản lý hệ đào tạo không có ngân sách Nhà nước”

Hệ đào tạo không có ngân sách Nhà nước bao gồm: Hệ đào tạo vừa làm vừa học và đào tạo từ xa (Riêng với đào tạo theo nhu cầu xã hội có quy định riêng); Đào tạo lưu học sinh Lào các địa phương gửi, lưu học sinh Lào và Thái Lan tự do hoặc theo hợp đồng, sinh viên chính quy học ngành 2 (không bao gồm sinh viên Giáo dục quốc phòng An ninh được giao chỉ tiêu), học sinh hệ THPT chất lượng cao, và đào tạo theo hợp đồng khác,

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 "Quản lý tài chính tại Trường THSP"

Đối với các khoản thu mang tính chất ngoài học phí của Trường THSP (Như

tiền học bồi dưỡng, học thứ 7 của mầm non và tiểu học, tiền học ngoại khóa, phí phục vụ sáng,), được giao khoán tỷ lệ % nộp về Trường Đại học Vinh như sau:

+ Đối với bậc mầm non và Tiểu học: Nộp 15% tổng thu, trong năm học, nếu có tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, các đơn vị khác tổ chức, trường THSP lập dự toán trình phòng KHTC thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt mức chi hỗ trợ.

+ Đối với bậc học THCS: Nộp 15% tổng các khoản thu nộp về Trường Đại học Vinh; Đồng thời, trường THCS trích 15% tổng các khoản thu để lập quỹ bồi dưỡng học sinh giỏi. Trong trường hợp quỹ không đủ để chi hoạt động tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, Trường Đại học Vinh hỗ trợ tối đa 70% kinh phí theo dự toán tổ chức được duyệt.

14. Sửa đổi bổ sung điều 45 về “Chi công tác tổ chức thi”

a. Bỏ mục 2, điều 45 “Thi học phần thay thế thi tốt nghiệp đại học”: Đề nghị bỏ vì hiện nay không còn hình thức này.

b. Đề nghị tăng đơn giá cho nội dung chi tại gạch ngang thứ 2, điểm e, mục 3, điều 45 về “Chi tuyển sinh THPT Chuyên”:

Kinh phí Ban chỉ đạo, các đơn vị, cán bộ liên quan:

Ban giám hiệu: 50.000 → 100.000 đồng

Trưởng đơn vị: 40.000 → 90.000 đồng

Phó trưởng đơn vị: 35.000 → 80.000 đồng

Chuyên viên trực tiếp liên quan: 30.000 → 70.000 đồng

c. Đề nghị tăng đơn giá cho nội dung chi tại mục 5, điều 45 về “Thi học sinh giỏi trường THPT Chuyên” theo mức:

Coi thi 100.000 đ/buổi / người → 150.000 đồng/buổi/người

Chấm thi 10.000 đ/bài (2 CB chấm) → 15.000 đồng/bài

15. Sửa đổi điều 43 “Sử dụng kết quả tài chính trong năm”, bỏ điều 13 và 14

15.1. Lập quỹ học bổng khuyến khích học tập

Quỹ học bổng khuyến khích học tập được trích tối thiểu bằng 8% nguồn thu học phí và nguồn ngân sách nhà nước cấp bù cho đào tạo sư phạm và các ngành nghề đào tạo không được thu học phí.

15.2. Lập quỹ hoạt động khoa học và công nghệ

Quỹ hoạt động nghiên cứu khoa học được trích tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí để cho sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học.

Quỹ đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ được trích tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp khác để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ ở cơ sở giáo dục đại học.

15.3. Chênh lệch thu chi hàng năm của Trường được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng chênh lệch} & & & & \text{Tổng chi cho các hoạt} \\ \text{thu chi} & = & \text{Tổng thu từ các} & - & \text{động trong năm và các} \\ & & \text{nguồn trong năm} & & \text{quỹ đã được trích lập} \end{array}$$

(Ghi chú: Các khoản thu, chi không bao gồm các hoạt động xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu, đề tài khoa học, nhiệm vụ nhà nước đặt hàng và một số khoản đặc thù khác).

Hằng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định; phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động theo Quy chế chi tiêu nội bộ, nhưng tối đa không quá 02 lần quỹ tiền lương cấp bậc chức vụ trong năm do Nhà nước quy định.

- Trích lập các quỹ:

- + Trích tối thiểu 15% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- + Quỹ bổ sung thu nhập: Tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

- + Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

- + Trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

- + Phần chênh lệch thu chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

15.4. Quản lý và sử dụng các quỹ

a. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng quỹ do Hiệu trưởng quyết định.

b. Quỹ bổ sung thu nhập

Quỹ bổ sung thu nhập được sử dụng để bảo đảm thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động của Trường.

c. Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

- Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài Trường theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của Nhà trường. Mức thưởng do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các

hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Trường; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế thực hiện tinh giản biên chế. Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ.

d. Chi trả thu nhập tăng thêm

d.1) Tạm chi trước thu nhập tăng thêm. Căn cứ kết quả hoạt động tài chính quý, năm của Trường, nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng có thể tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho người lao động trong Trường. Mức tạm chi trước thu nhập tăng thêm hàng quý tối đa không quá 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi xác định được theo quý.

d.2) Sau khi quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và xác định được chính xác số chênh lệch thu lớn hơn chi, Hiệu trưởng thực hiện chi trả tiếp thu nhập tăng thêm theo chế độ quy định cho người lao động theo Quy chế chi tiêu nội. Trường hợp đơn vị đã tạm chi vượt quá số chênh lệch thu lớn hơn chi dành để chi thu nhập tăng thêm theo Quy chế chi tiêu nội bộ; số chi vượt phải trừ vào số chi thu nhập tăng thêm của năm sau.

d.3) Phần thu nhập tăng thêm được chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác tối đa bằng 02 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm do Nhà nước quy định sau khi đã trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và thực hiện theo nguyên tắc người lao động có hiệu quả công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn.

d.4) Cách thức chi trả thu nhập tăng thêm như sau:

Trường sẽ tạm chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm theo từng tháng. Phần còn lại sẽ được chi trả vào cuối năm căn cứ vào phần chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế hàng năm. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng thu nhập tăng thêm theo số tháng thực tế có mặt làm việc tại trường.

- Hàng tháng Nhà trường tạm chi trước phần thu nhập tăng thêm cho người lao động và được thanh toán cùng với tiền lương ngạch bậc và các khoản phụ cấp hàng tháng; căn cứ hệ số chức danh cơ bản quy định tại Phụ lục II của Quy chế này để chi trả theo các mức như sau:

- + Hệ số chức danh từ 8,0 trở lên: 500.000 đồng x 4,0;
- + Hệ số chức danh từ 5,5 đến dưới 8,0: 500.000 đồng x 3,5;
- + Hệ số chức danh từ 3,5 đến dưới 5,5: 500.000 đồng x 3,0.

Riêng đối với Trường, phó khoa và cán bộ hành chính văn phòng, trợ lý đào tạo chuyên trách, quản lý sinh viên các khoa được hưởng thêm hệ số sinh viên đông theo biểu hệ số chức danh tại phụ lục II. Nếu cán bộ đảm nhận nhiều chức vụ, thì hưởng mức hệ số cao nhất không tính cộng các hệ số kiêm nhiệm.

Đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện biên chế và lao động hợp đồng từ 12 tháng trở lên được Nhà trường tuyển dụng do Hiệu trưởng ký hợp đồng, có mặt và có làm việc, công tác tại Trường trong tháng chi trả thu nhập tăng thêm (bao gồm cả những người nghỉ ốm đau, thai sản trong thời gian quy định; cán bộ khởi hành chính được cử đi học nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao).

Mức chi trả tăng thêm nêu trên là mức tối đa theo Quyết định về quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức trường Đại học Vinh.

- Cuối năm tài chính, căn cứ tình hình tài chính thực tế, Nhà trường cân đối thu, chi sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách và trích lập các quỹ. Hiệu trưởng, Công đoàn Trường và Ban chế độ - chính sách sẽ quyết định tổng mức chi phúc lợi cuối năm.

+ Đối tượng được hưởng: Toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức diện biên chế và lao động hợp đồng được Nhà trường tuyển dụng do Hiệu trưởng ký hợp đồng, có mặt và thời gian làm việc, công tác tại Trường trong kỳ phân bổ phúc lợi cuối năm tính đến thời điểm 31/12 hàng năm theo số tháng thực tế làm việc theo quy định (bao gồm cả những người nghỉ ốm đau, thai sản trong thời gian quy định).

+ Phương thức chi trả: Chi trả theo hệ số chức danh cơ bản cộng với hệ số danh hiệu thi đua quy định tại Phụ lục II của Quy chế này và theo nguyên tắc sau:

i. Những cán bộ, công chức, viên chức có đủ thời gian công tác tại trường 12 tháng trong năm tài chính được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được hưởng 100%, những cán bộ, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ thì được hưởng 50% tiền phúc lợi.

ii. Đối với cán bộ hợp đồng thử việc và tập sự dưới 1 năm (do Hiệu trưởng ký Hợp đồng) thì được mức hưởng 50% với mức của CBVC diện biên chế có hệ số chức danh (3,5) tính theo tháng làm việc thực tế tại trường.

iii. Cán bộ hành chính được cử đi học nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao thì được hưởng 100% tiền phúc lợi.

iv. Giáo viên, cán bộ giảng dạy đi học không tập trung thì những tháng đi học được hưởng 50%, nếu trở về Trường trong năm thì các tháng làm việc bình thường được hưởng 100%.

v. Giáo viên, cán bộ giảng dạy đi học tập trung thì những tháng đi học được hưởng 25%, nếu trở về trường trong năm thì các tháng làm việc bình thường được hưởng 100%.

vi. Những người nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời gian quy định hoặc nghỉ việc riêng quá thời gian cho phép thì không được hưởng những tháng nghỉ quá.

vii. Các trường hợp đi biệt phái, đi học tập trung, hợp tác khoa học ngắn hạn,

người chuyển công tác về trường, nghỉ hưu hoặc được cấp có thẩm quyền điều chuyển công tác, cán bộ nghỉ theo diện tinh giản biên chế trong năm tài chính thì được hưởng theo số tháng làm việc thực tế tại trường;

Đối với những trường hợp xin thôi việc, tự ý nghỉ việc được hưởng 50% mức hưởng theo tỷ lệ số tháng làm việc thực tế tại trường.

Trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc không được hưởng phúc lợi các kỳ tiếp theo.

+ Cán bộ viên chức thuộc Trường THPT Chuyên và Trường THSP mức hưởng bằng 75% so với định mức của cán bộ cùng chức danh;

+ Đối với giáo viên mầm non của Trường THSP đi học không tập trung và đảm bảo giờ chuẩn theo quy định được hưởng 100% theo tiêu chuẩn của cán bộ trường THSP về tiền phúc lợi, thu nhập tăng thêm.

+ Đối với cán bộ là hợp đồng thời vụ do Nhà trường ký và cán bộ hợp đồng thời vụ được Nhà trường ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên và Hiệu trưởng Trường THSP ký hợp đồng theo kế hoạch được duyệt, căn cứ tình hình thực tế giao phòng TCCB phối hợp phòng KH-TC tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định theo từng năm nhưng tối đa không quá mức tương đương chức danh hệ số 1.

16. Sửa đổi, bổ sung điều 46 về chi giảng dạy, thi và các khoản chi liên quan đến việc cấp Chứng chỉ tiếng Anh

Bổ sung điểm 1, điều 15 "Tổ chức dạy học, thi các chứng chỉ ngắn hạn"

Thực hiện theo quy định riêng của Trường trong quản lý đào tạo cấp Chứng chỉ tiếng Anh theo thang năng lực 6 bậc (từ A1 đến C2) khung tham chiếu châu Âu và các quy định về đào tạo cấp chứng chỉ ngắn hạn khác.

17. Sửa đổi và bổ sung điểm 1, điều 49 về "Đối với kiến tập và thực tập cuối khóa"

Điểm b "Chi cho các trường phổ thông"

- Kinh phí cho giáo viên hướng dẫn:

+ Đối với giáo viên, cán bộ của các trường phổ thông có sinh viên đến thực tập:

Giáo viên hướng dẫn thực tập giảng dạy (Mỗi sinh viên được đánh giá 6 tiết thực tập giảng dạy): 50.000 đồng/1 tiết;

Giáo viên hướng dẫn thực tập giáo dục (Mỗi sinh viên được đánh giá 6 tiết thực tập giáo dục - công tác chủ nhiệm lớp): 50.000 đồng/1 tiết (hoặc 1 buổi lao động...);

+ Giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm, cán bộ thư viện:

Mỗi trường phổ thông có 02 người người hướng dẫn, mỗi tuần tính 1 tiết/người: 50.000 đồng/1 tiết;

+ Đối với các giảng viên Trường Đại học Vinh:

Giảng viên Trường Đại học Vinh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, dự giờ, đánh giá và rút kinh nghiệm tại các nhóm chuyên môn (Mỗi đoàn thực tập có các nhóm chuyên môn gồm các sinh viên cùng ngành đào tạo) và quy thành tiết chuẩn giảng dạy đại học: 1 tiết chuẩn/nhóm chuyên môn. Và được thanh toán công tác phí theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Kinh phí cho Ban chỉ đạo của các trường phổ thông:

+ Trưởng ban: 50.000 đồng/tiết x 3 tiết/tuần x 8 tuần

+ 02 Phó ban: 50.000 đồng/tiết x 2 tiết/tuần x 8 tuần x 2 người

+ Bí thư Đoàn trường: 50.000 đồng/tiết x 1 tiết/tuần x 8 tuần

+ Nhóm trưởng bộ môn có sinh viên thực tập giảng dạy: 50.000 đồng/tiết x 2 tiết/sinh viên/đợt

+ Báo cáo viên: Mỗi đoàn thực tập viết 01 báo cáo về tình hình tổ chức hoạt động của trường Phổ thông và 01 báo cáo về tình hình tổ chức hoạt động của Đoàn Thanh niên trường phổ thông, định mức chi: 200.000 đồng/1 báo cáo;

+ Văn phòng phẩm của trường phổ thông: 100.000 đồng/trường.

+ Kinh phí cho công tác chuẩn bị văn bản, liên hệ nơi ăn ở, đón sinh viên: 100.000 đồng/trường.

- Kinh phí cho Ban chỉ đạo của các Sở GD&ĐT:

+ Tỉnh có từ 11 đoàn TTSP trở lên: 200.000 đồng/đoàn x số đoàn

+ Tỉnh có từ 10 đoàn TTSP trở xuống: 2.000.000 đồng/tỉnh

+ Giám đốc và phó Giám đốc Sở GD&ĐT trực tiếp chỉ đạo TTSP: 300.000 đồng/người x 02 người.

+ Văn phòng phẩm cho các Hội nghị: 50.000 đồng/đoàn

- Kinh phí cho đoàn thực tập:

Các khoản kinh phí dưới đây của đoàn thực tập chi trực tiếp cho các Trường đoàn thực tập tại phòng Kế hoạch - Tài chính, cụ thể:

+ Kinh phí sinh hoạt tập thể của Đoàn TTSP: 10.000 đồng/sinh viên;

+ Kinh phí cho đại diện sinh viên: Trưởng đoàn 150.000 đồng/đợt; Phó đoàn 100.000 đồng/đợt;

- Kinh phí liên hệ địa bàn thực tập, tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực tập tại các tỉnh:

Kinh phí tổ chức các Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực tập tại các Tỉnh được chi trực tiếp cho các đại biểu tại các Hội nghị (mỗi trường phổ thông có 1 người; một sở Giáo dục và Đào tạo có 12 người là chuyên viên phụ trách bộ môn và 3 người

của phòng chuyên môn và 1 lãnh đạo), định mức chi:

- + Kinh phí họp: 50.000 đồng/đại biểu/hội nghị;
- + Tiền tàu xe tính bình quân: 100.000 đồng/đại biểu/hội nghị;
- + Chi cho đơn vị đăng cai tổ chức hội nghị: 500.000 đồng/tỉnh/hội nghị.

Phòng KH-TC căn cứ vào kế hoạch thời gian và nhân sự các đoàn thực tập, có trách nhiệm tính toán và chi kinh phí theo đúng Quy định cho công tác thực tập sư phạm và hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán.

Điểm c “Chi cho các trường mầm non”

- Bồi dưỡng cho giáo viên hướng dẫn:

+ Giáo viên hướng dẫn thực tập ở lứa tuổi nhà trẻ (Mỗi sinh viên được đánh giá 10 tiết thực tập giảng dạy): 50.000 đồng/1 tiết x số tiết.

+ Giáo viên hướng dẫn thực tập ở lứa tuổi mẫu giáo (Mỗi sinh viên được đánh giá 10 tiết thực tập giáo dục): 50.000 đồng/1 tiết hoặc 1 buổi lao động...;

+ Đối với các giảng viên Trường Đại học Vinh: Cán bộ khoa Giáo dục có trách nhiệm liên hệ, hướng dẫn nội dung thực tập, kiểm tra, dự giờ, đánh giá triển khai, sơ kết, tổng kết được quy thành tiết chuẩn giảng dạy đại học: 1 tiết chuẩn/sinh viên.

- Kinh phí Ban chỉ đạo của các trường mầm non:

+ Trưởng ban: 50.000 đồng/tiết x 5 tiết/tuần x 8 tuần

+ 02 Phó ban: 50.000 đồng/tiết x 3 tiết/tuần x 8 tuần x 2 người

+ Bí thư Đoàn trường (Tổng phụ trách đội): 50.000đ/tiết x 1 tiết/tuần x 8 tuần

+ Trưởng bộ môn và hỗ trợ đồ dung dạy học: 300.000 đồng/đoàn

+ Báo cáo viên: 1 báo cáo về tình hình tổ chức hoạt động của trường mầm non, công tác giáo dục trẻ và chăm sóc trẻ; 1 báo cáo về hoạt động của Đoàn thanh niên: 100.000 đồng/1 báo cáo.

+ Văn phòng phẩm: 200.000 đồng/trường.

+ Công tác chuẩn bị văn bản, đón sinh viên: 100.000 đồng/trường.

- Kinh phí Ban chỉ đạo của phòng GD&ĐT:

+ Phòng GD&ĐT: 200.000 đồng/đoàn x số đoàn

+ Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng GD&ĐT trực tiếp chỉ đạo TTSP: 300.000 đồng/người x 02 người.

- Kinh phí cho đoàn thực tập :

Các khoản kinh phí dưới đây của đoàn thực tập chi trực tiếp cho các Trường đoàn thực tập tại phòng Kế hoạch - Tài chính, cụ thể:

+ Kinh phí sinh hoạt tập thể của Đoàn thực tập : 15.000 đồng/sinh viên;

+ Kinh phí cho đại diện sinh viên: Trưởng đoàn: 150.000 đồng/đợt; Phó đoàn 100.000 đồng/đợt;

- Kinh phí liên hệ địa bàn thực tập, tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực tập tại các phòng giáo dục và đào tạo được chi trực tiếp cho các đại biểu tại các Hội nghị bao gồm: 02 Lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo (Trưởng phòng và phó trưởng phòng phụ trách mầm non), 05 chuyên viên phụ trách chuyên môn phòng Giáo dục và Đào tạo; 1 Lãnh đạo trường có sinh viên thực tập, định mức chi:

+ Kinh phí họp: 50.000 đồng/đại biểu/hội nghị;

+ Tiền tàu xe tính bình quân: 100.000 đồng/đại biểu/hội nghị;

+ Chi cho đơn vị đăng cai tổ chức Hội nghị: 500.000 đồng/hội nghị.

Phòng KH-TC căn cứ vào kế hoạch thời gian và nhân sự các đoàn thực tập, có trách nhiệm tính toán và chi kinh phí theo đúng Quy định cho công tác thực tập sư phạm và hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán.

Bổ sung điểm d “Chi công tác thực tập sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học”

- Kinh phí cho giáo viên hướng dẫn của các trường Tiểu học

+ Giáo viên hướng dẫn thực tập giảng dạy, mỗi sinh viên được đánh giá 10 tiết thực tập giảng dạy: 55.000 đồng/1 tiết x số tiết.

Giáo viên hướng dẫn thực tập Giáo dục, mỗi sinh viên được đánh giá 10 tiết thực tập giáo dục: 50.000 đồng/1 tiết (hoặc 1 buổi lao động...) x số tiết (buổi).

+ Đối với các giảng viên Trường Đại học Vinh

Cán bộ khoa Giáo dục có trách nhiệm liên hệ, hướng dẫn nội dung thực tập, kiểm tra, dự giờ, đánh giá triển khai, sơ kết, tổng kết được quy thành tiết chuẩn giảng dạy đại học: 1 tiết chuẩn/sinh viên.

- Kinh phí cho Ban chỉ đạo của các trường Tiểu học

+ Trưởng ban: 50.000 đồng/tiết x 5 tiết/tuần x 8 tuần

+ 02 Phó ban: 50.000 đồng/tiết x 3 tiết/tuần x 8 tuần x 2 người

+ Bí thư Đoàn trường (Tổng phụ trách đội): 50.000đ/tiết x 1 tiết/tuần x 8 tuần

+ Trưởng bộ môn và hỗ trợ đồ dung dạy học: 300.000 đồng/đoàn

+ Báo cáo viên: 1 báo cáo về tình hình tổ chức hoạt động của trường Tiểu học, công tác giáo dục trẻ và chăm sóc trẻ; 1 báo cáo về hoạt động của Đoàn thanh niên: 100.000 đồng/1 báo cáo.

+ Văn phòng phẩm: 200.000 đồng/trường.

+ Công tác chuẩn bị văn bản, đón sinh viên: 100.000 đồng/trường.

- Kinh phí cho Ban chỉ đạo của các Sở Giáo dục và đào tạo

+ Phòng GD&ĐT: 200.000 đồng/đoàn x số đoàn

+ Trưởng phòng và Phó Trưởng Phòng GD&ĐT trực tiếp chỉ đạo thực tập sư

phạm: 300.000 đồng/người x 2 người.

- Kinh phí cho đoàn thực tập

Các khoản kinh phí dưới đây của đoàn thực tập sư phạm chi trực tiếp cho các Trường đoàn thực tập tại phòng KH-TC, cụ thể:

+ Kinh phí sinh hoạt tập thể của đoàn thực tập sư phạm: 15.000 đồng/sinh viên;

+ Kinh phí cho đại diện sinh viên: Trưởng đoàn: 150.000 đồng/đợt và Phó Trưởng đoàn: 100.000 đồng/đợt

- Kinh phí liên hệ địa bàn thực tập, tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực tập sư phạm tại các Phòng GD&ĐT được chi trực tiếp cho các đại biểu tại các Hội nghị bao gồm: 2 lãnh đạo Phòng GD&ĐT (Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng phụ trách Tiểu học), 5 chuyên viên phụ trách chuyên môn Phòng GD&ĐT; 1 lãnh đạo trường có sinh viên thực tập, định mức chi:

+ Kinh phí họp: 50.000 đồng/đại biểu/hội nghị;

+ Tiền tàu xe tính bình quân: 100.000 đồng/đại biểu/hội nghị;

+ Chi cho đơn vị đăng cai tổ chức Hội nghị: 500.000 đồng/hội nghị.

Phòng KH-TC căn cứ vào kế hoạch thời gian và nhân sự các đoàn thực tập, có trách nhiệm tính toán và chi kinh phí theo đúng Quy định cho công tác thực tập sư phạm và hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán.

B. PHẦN PHỤ LỤC

1. Sửa đổi, bổ sung phụ lục II

TT	Chức vụ và chức danh	Hệ số
1	Hiệu trưởng	10
2	Bí thư Đảng ủy Trường	10
3	Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, Chủ tịch Hội đồng Trường, Phó Bí thư Đảng ủy Trường	8
4	Chủ tịch Công đoàn Trường, Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên	7,5
5	Trưởng khoa, Trưởng phòng, Bí thư Đoàn Trường, Hiệu trưởng Trường Thực hành, Giám đốc NXB và tương đương, Chánh văn phòng Đảng – Đoàn thể; Phó Giám đốc Thường trực Trung tâm GD QPAN Vinh.	7
6	Phó Trưởng khoa, Tổng biên tập, Phó Giám đốc NXB, Phó Chủ tịch Công đoàn Trường, Chủ tịch Hội Sinh viên Trường, Phó Trưởng phòng, Chánh Văn phòng Đảng ủy Trường, Phó Hiệu trưởng các trường trực thuộc, Thư ký Hội đồng Trường; Trưởng văn phòng Đại diện của Trường tại các địa phương; Giảng viên cao cấp; Chuyên viên cao cấp và tương đương.	6

TT	Chức vụ và chức danh	Hệ số
7	Bí thư Đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc; Phó Bí thư Đoàn Trường, trưởng bộ môn, trưởng ban biên tập nhà XB	5,5
8	Giảng viên chính, Chuyên viên chính, Bí thư chi bộ cán bộ, Cán bộ làm Bí thư chi bộ học viên - sinh viên, Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Chuyên viên chính, Cán bộ làm Bí thư liên chi đoàn, Phó trưởng bộ môn các khoa, tổ trưởng chuyên môn Trường THPT Chuyên; Phó tổng biên tập tạp chí; Phó ban biên tập NXB và tương đương.	5
9	Tổ trưởng chuyên môn Trường THSP, Tổ trưởng chuyên môn khối phòng ban, trung tâm... và tương đương	4,5
10	Giảng viên, Chuyên viên và tương đương	4
11	Cán sự và tương đương, nhân viên	3,5

Trường hợp cán bộ đảm nhận nhiều chức vụ về nhà nước, thì hưởng mức hệ số cao nhất, các chức vụ kiêm nhiệm khác không tính. Đối với các cán bộ đảm nhận nhiều chức vụ tại các tổ chức đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội... thì chỉ tính hệ số ở chức vụ cao nhất, không cộng phần liên quan hệ số kiêm nhiệm.

Riêng đối với trưởng, phó khoa và cán bộ hành chính văn phòng, trợ lý đào tạo chuyên trách, trợ lý, quản lý sinh viên các khoa mức chi trả như sau:

Khoa / Viện có dưới 1.000 sinh viên chính quy tập trung giữ nguyên hệ số nêu trên. Khoa có từ 1.000 đến 2.000 sinh viên chính quy tập trung được cộng 0,1 hệ số. Khoa có từ 2.001 đến 3.000 sinh viên chính quy tập trung được cộng 0,2 hệ số. Khoa có từ 3.001 sinh viên chính quy tập trung trở lên được cộng 0,3 hệ số. Khoa có từ 4.001 sinh viên chính quy và học viên tập trung trở lên được cộng 0,4 hệ số.

Đối với các trường hợp các Khoa / Viện không có CBVC đảm bảo mức tối đa về số lượng cán bộ chuyên trách theo bảng quy định về định suất cán bộ tại điều 21 thì CBVC đảm nhận nhiệm vụ trong thời gian đó được nhân hệ số 1,5 đối với thu nhập tăng thêm hàng tháng.

Nếu cán bộ, viên chức hoàn thành nhiệm vụ thì giữ nguyên hệ số phân phối theo chức danh; nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì trừ 0,5 hệ số; lao động tiên tiến cộng 0,5 hệ số; chiến sỹ thi đua hoặc tương đương cộng 1,0 hệ số khi chia các khoản thu nhập tăng thêm cuối năm và khoản 20% kinh phí thanh toán giờ vượt chuẩn chi cho khối hành chính của năm liền kề.

Trường hợp cán bộ là giảng viên, giáo viên không hoàn thành định mức giờ chuẩn theo quy định của Nhà nước thì số tiền phúc lợi, thu nhập tăng thêm bị giảm trừ không được hiểu là bù đắp để đạt danh hiệu hoàn thành nhiệm vụ.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 4, mục II, phụ lục IV về nội dung “Viết báo cáo tham luận cho hội nghị, hội thảo cấp trường”

Định mức chi: 100.000 đồng/bài tham luận.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2019 và thay thế cho các Quy định trước đây của Trường về các vấn đề liên quan.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh và các tập thể, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN Nghệ An (p/h);
- Đảng ủy, BGH, HĐT;
- CĐ, ĐTN, HSV, HCCB;
- BBT Website, iOffice;
- Lưu: HCTH, KHTC ✓



GS.TS. Đinh Xuân Khoa